

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 124/2018/HS-PT

Ngày: 24-7-2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Cảnh**

Các Thẩm phán:

Ông Trần Minh Long

Ông Bùi Trọng Danh

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Na** – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa:

Ông Nguyễn Hữu Đãi Em - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 7 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 121/2018/TLPT-HS ngày 28 tháng 6 năm 2018 đối với các bị cáo Phan Văn T, Trần Văn T1 do có kháng cáo của các bị cáo T, T1 đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 39/2018/HS-ST ngày 24 tháng 5 năm 2018 của Tòa án nhân dân quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng.

- Các bị cáo có kháng cáo:

1. **PHAN VĂN T**; Tên gọi khác: **Đỗ**; Sinh ngày: 21/12/1996 tại Đà Nẵng; Nơi cư trú: Tổ 25 B phường Q, quận T, TP Đà Nẵng; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 06/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Phật; Con ông: Phan Văn T và Bà: Lê Thị M; Có vợ: Huỳnh Thị T và 1 con sinh năm 2016; Tiền án: Chưa; Tiền sự: Ngày 06/ 01/2018, bị Công an phường T xử phạt hành chính về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy; Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 25/01/2018. Có mặt tại phiên tòa.

2. **TRẦN VĂN T1**; Sinh ngày: 13/02/2001 tại Đà Nẵng; Nơi cư trú: Tổ 56, phường Q, quận T, TP Đà Nẵng. Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 08/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh Tôn giáo: Phật; Con ông: Trần Văn H (chết);

con Bà: Lê Thị H; Tiền án: Chưa; Tiền sự: Ngày 10/11/2017, bị Công an phường Q xử phạt hành chính về hành vi trộm cắp tài sản. Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 25/01/2018. Có mặt tại phiên tòa.

Những người tham gia tố tụng khác:

1. Người đại diện hợp pháp của bị cáo Trần Văn T1: Bà Lê Thị H, sinh năm 1969; trú tại: Tổ 56, phường Q, quận T, thành phố Đà Nẵng là mẹ ruột của bị cáo. Có mặt.

2. Người bào chữa cho bị cáo Trần Văn T1: ông Võ Văn T, luật sư Văn phòng luật sư T và cộng sự, thuộc Đoàn luật sư thành phố Đà Nẵng – Cộng tác viên của Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà Nước thành phố Đà Nẵng. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do cần tiền để trả nợ và tiêu xài cá nhân nên Phan Văn T nảy sinh ý định đi cướp giật tài sản. Khoảng 10 giờ 30 phút ngày 21/01/2018, Phan Văn T điều khiển xe mô tô hiệu Yamaha Luvias, BKS: 43G1- 02814 đến nhà rủ Trần Văn T1 đi cướp giật, T1 đồng ý. T điều khiển xe chở T1 đi vòng quanh cách tuyến đường thuộc phường Q, quận T để tìm người sơ hở nhằm cướp giật tài sản. Đến khoảng 11 giờ 30 phút cùng ngày, cả hai đi đến đường kiệt D thì phát hiện thấy chị Nguyễn Thị Thu H (SN: 1991, Trú: Q, P, Bình Định) đang cầm một chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung J3, màu vàng gold trị giá 1.500.000 đồng ngồi trên vỉa hè, sát mép đường ở trước dãy trọ thuộc tổ 5C, phường Q, quận T. Thấy vậy, T quay xe lại quay sát đến chỗ chị H, T1 ngồi sau nghiêng người dùng 2 tay chụp lấy điện thoại của chị H rồi T tăng ga, cả hai bỏ chạy thoát.

Sau đó, T1 đưa điện thoại cho T đem bán cho anh Trần Tấn D với giá 1.350.000 đồng. T chia cho T1 650.000 đồng, cả hai tiêu xài hết.

Với nội dung như trên tại bản án hình sự sơ thẩm số 39/2018/HSST ngày 24/5/2018 của Toà án nhân dân quận Sơn Trà đã quyết định:

- Căn cứ: điểm d khoản 2 Điều 171, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm o khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự 2015.

Xử phạt Phan Văn T 04 (bốn) năm tù về tội “Cướp giật tài sản”, thời hạn tù tính từ ngày 25/01/2018.

- Căn cứ: điểm d khoản 2 Điều 171; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 91, Điều 101 Bộ luật Hình sự 2015.

Xử phạt bị cáo Trần Văn T1 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Cướp giật tài sản”, thời hạn tù tính từ ngày 25/01/2018.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về trách nhiệm dân sự, phần án phí và thông báo quyền kháng cáo.

Ngày 31 tháng 5 năm 2018, bị cáo Trần Văn T1 có đơn kháng cáo với nội dung: Bản án mà Tòa án nhân dân quận Sơn Trà đã tuyên phạt mức án đối với bị cáo là quá nặng, xin được giảm nhẹ hình phạt.

Ngày 14 tháng 6 năm 2018, bị cáo Phan Văn T có đơn kháng cáo với nội dung: Bản án mà Tòa án nhân dân quận Sơn Trà đã tuyên phạt mức án đối với bị cáo là quá nặng, xin được giảm nhẹ hình phạt nhưng tại phiên tòa bị cáo T đã tự nguyện xin rút kháng cáo.

Tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng có quan điểm về việc giải quyết vụ án như sau: Bị cáo Phan Văn T đã tự nguyện rút kháng cáo nên đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với bị cáo T. Đơn kháng cáo của bị cáo Trần Văn T1 có đầy đủ nội dung theo thủ tục kháng cáo và nằm trong thời hạn kháng cáo nên đảm bảo hợp lệ. Xét nội dung đơn kháng cáo của bị cáo Trần Văn T1 thì thấy bị cáo T1 đã cùng với bị cáo T dùng xe máy đi cướp giật 01 chiếc điện thoại di động trị giá 1.500.000 đồng của chị Nguyễn Thị Thu H. Do đó án sơ thẩm xét xử bị cáo về tội “Cướp giật tài sản” theo điểm d khoản 2 Điều 171 của Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng tội. Bản án sơ thẩm cũng đã xem xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội và nhân thân của bị cáo, áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, xử phạt bị cáo 2 năm 06 tháng tù là phù hợp. Sau khi xử sơ thẩm bị cáo cũng không có tình tiết giảm nhẹ gì mới. Do đó đề nghị Hội đồng xét xử, áp dụng điểm a khoản 1 điều 355 và Điều 356 của BLTTHS 2015 không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Trần Văn T1 và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa bị cáo Phan Văn T tự nguyện xin rút kháng cáo, còn bị cáo Trần Văn T1 đã thừa nhận bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân quận Sơn Trà đã xét xử bị cáo về tội “Cướp giật tài sản” theo điểm d khoản 2 Điều 171 Bộ luật hình sự là đúng tội và bị cáo giữ nguyên nội dung kháng cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét kháng cáo của bị cáo.

Đại diện hợp pháp của bị cáo và Luật sư bào chữa của bị cáo Trần Văn T1 đều thống nhất với tội danh và điều luật mà cấp sơ thẩm đã xử đối với bị cáo. Chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo T1, vì bị cáo phạm tội khi chưa đủ tuổi thành niên, khả năng nhận thức về hành vi của mình còn hạn chế, sau khi phạm tội có thái độ khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải.

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo Phan Văn T đã tự nguyện rút kháng cáo, căn cứ Điều 342, Điều 348 BLHS Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với bị cáo T. Bị cáo Trần Văn T1 đã khai nhận hành vi phạm tội của mình. Lời khai của bị cáo phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, do đó Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để xác định: Trưa ngày 21/01/2018, tại đường D, phường Q, Trần Văn T1 đã cùng với Phan Văn T dùng xe máy áp sát giật lấy 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Sam sung J3 trị giá 1.500.000 đồng của chị Nguyễn Thị Thu H. Do đó, bản án sơ thẩm số 39/2018/HSST ngày 24/5/2018 của Tòa án nhân dân quận Sơn Trà đã xét xử các bị cáo Phan Văn T, Trần Văn T1 về tội “Cướp giật tài sản” theo điểm d khoản 2 Điều 171 Bộ luật hình sự năm 2015 là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[2] Xét kháng cáo của bị cáo Trần Văn T1; Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo đã cùng với Phan Văn T dùng thủ đoạn nguy hiểm, sử dụng xe máy đi cướp giật tài sản của người khác. Hành vi phạm tội của bị cáo là rất nghiêm trọng, đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác, đồng thời gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an xã hội. Bị cáo có nhân thân xấu, đã có tiền sự về hành vi trộm cắp tài sản. Cấp sơ thẩm đã đánh giá đúng tính chất mức độ hành vi phạm tội của bị cáo và xem xét, áp dụng các tình tiết giảm nhẹ đối với bị cáo theo quy định của pháp luật, xử phạt bị cáo Trần Văn T1 2 năm 06 tháng tù là phù hợp. Sau khi xét xử sơ thẩm bị cáo không có tình tiết giảm nhẹ mới. Vì vậy, HĐXX không chấp nhận kháng cáo của bị cáo T1 và đề nghị của luật sư bào chữa cho bị cáo T1, giữ nguyên án sơ thẩm như đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát.

[3] Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ Điều 342, Điều 348 BLTTHS 2015:

Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với bị cáo Phan Văn T. Bản án hình sự sơ thẩm có hiệu lực pháp luật đối với bị cáo T.

2. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 của BLTTHS 2015;
Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Trần Văn T1, giữ nguyên án sơ thẩm.
Căn cứ: điểm d khoản 2 Điều 171; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 91, Điều 101 Bộ luật Hình sự 2015.

Xử phạt: Bị cáo Trần Văn T1 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Cướp giật tài sản”, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam ngày 25/01/2018.

3. Về án phí: Căn cứ vào điểm b, g Khoản 2 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, buộc bị cáo Trần Văn T1 phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự phúc thẩm. Bị cáo Phan Văn T không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

4. Các phần quyết định khác của án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Phòng HSNV-CA TP ĐN;
- Vụ Giám đốc kiểm tra 1;
- VKSND thành phố Đà Nẵng;
- Chi cục THADS quận Sơn Trà;
- VKSND quận Sơn Trà;
- TAND quận Sơn Trà;
- Công an quận Sơn Trà;
- Trại tạm giam CA TP ĐN;
- Bị cáo;
- Sở tư pháp TPĐN;
- Lưu: HS; HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Cảnh

